



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH



HƯỚNG DẪN ĐẦU TƯ VÀO

TRÀ VINH

A GUIDE TO INVESTING IN TRA VINH PROVINCE - VIETNAM

MỤC LỤC



THƯ NGỎ



PHẦN I: TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

- | | | |
|----|---|------------|
| I | Giới thiệu tổng quan tỉnh Trà Vinh | Trang - 06 |
| II | Tại sao đầu tư vào tỉnh Trà Vinh | Trang - 07 |
| | 1. Vị trí địa lý | Trang - 08 |
| | 2. Tiềm năng và lợi thế đầu tư phát triển | Trang - 09 |



PHẦN II: QUY TRÌNH, THỦ TỤC VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

- | | | |
|----|--|------------|
| I | Quy trình, thủ tục đầu tư chung | Trang - 16 |
| II | Quy trình thủ tục đầu tư của tỉnh Trà Vinh | Trang - 24 |



PHẦN III: CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO TỈNH TRÀ VINH

I Lĩnh vực và dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư

Trang - 32

II Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh Trà Vinh

Trang - 34



PHỤ LỤC: CÁC CƠ QUAN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ



THƯ NGỎ

Chào mừng các bạn đến TRÀ VINH - tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phía Đông tiếp giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vĩnh Long, phía Nam giáp Sóc Trăng, phía Bắc giáp Bến Tre, có 65 km bờ biển. Diện tích tự nhiên 2.341 km², dân số 1,04 triệu người, với 03 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Tỉnh Trà Vinh được bao bọc bởi hai nhánh sông Tiền và sông Hậu với hai cửa Cung Hầu và Định An tiếp giáp Biển Đông, thuận lợi để hình thành phát triển các cảng biển trung chuyển. Với điều kiện tự nhiên đồng bằng ven biển, tỉnh Trà Vinh có tiềm năng về phát triển nông, ngư nghiệp phục vụ cho nhu cầu công nghiệp chế biến, kinh tế biển và ven biển. Khí hậu nhiệt đới gió mùa ôn hòa, với nhiều di tích văn hóa của 03 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa; các danh lam, thắng cảnh, thuận lợi cho phát triển du lịch.

Hai công trình về giao thông và năng lượng là Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu xuyên qua địa phận tỉnh và Trung tâm Điện lực Duyên Hải với công suất 4.400 Mw là cơ sở hạ tầng kỹ thuật quan trọng cho Trà Vinh phát triển. Ngoài ra với Khu kinh tế Định An (khu kinh tế trọng điểm ven biển của cả nước), diện tích quy hoạch 39.020 ha (giai đoạn 1 đến năm 2020 diện tích 15.403,7 ha), hiện đã có 22 dự án đăng ký đầu tư; cùng với Khu công nghiệp Long Đức (100ha), Khu Công nghiệp Cầu Quan (120ha), Khu công nghiệp Cổ Chiên (200ha) là địa điểm tốt cho các nhà đầu tư triển khai dự án.

Trà Vinh luôn thực hiện nghiêm túc chính sách ưu đãi đầu tư do Chính phủ ban hành và quan tâm xây dựng bổ sung các chính sách ưu đãi đầu tư đặc thù theo điều kiện của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư. Đồng thời, nỗ lực trong việc cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức năng động và liêm chính, tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh thông thoáng, minh bạch, công khai. Trà Vinh sẽ là điểm đến đầu tư thật sự hiệu quả cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước có ý định đầu tư.

“Hướng dẫn đầu tư vào tỉnh Trà Vinh” là một cuốn cẩm nang (guidebook) hữu ích, cần thiết không thể thiếu đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp đã và đang có ý định khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư vào tỉnh.

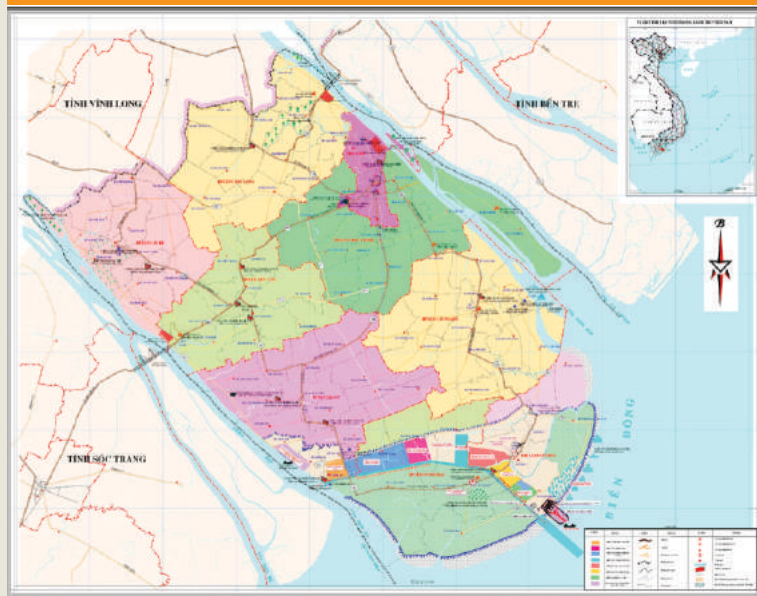
Ấn phẩm này được phát hành rộng rãi, làm tài liệu cho các buổi tiếp xúc làm việc với các nhà đầu tư, các hội nghị, diễn đàn quảng bá xúc tiến đầu tư; hy vọng ấn phẩm sẽ đồng hành giúp ích cho quý nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Trà Vinh hân hạnh đón tiếp./.

ĐỒNG VĂN LÂM

Chủ tịch UBND Tỉnh Trà Vinh

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TRÀ VINH



**PHẦN I: TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ
ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH**



KHOẢNG CÁCH NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI 3 MỞ RỘNG

CONSTRUCTION OF DUYEN HAI 3 EXTENSION THERMAL POWER PLANT (1x660 MW)

Vinh, ngày 13 tháng 12 năm 2014



01

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN TỈNH TRÀ VINH

- Trà Vinh là một trong 13 tỉnh thành ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long; phía Nam giáp tỉnh Sóc Trăng; phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre. Diện tích đất tự nhiên 2.341 km²; dân số 1,04 triệu người; số người trong độ tuổi lao động chiếm 59% dân số; tỉnh có 7 huyện, 1 thị xã và thành phố Trà Vinh với 106 xã, phường, thị trấn.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011-2015 là 8,45%/năm; Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chiếm 45,56%; công

nh nghiệp – xây dựng 19,20%; thương mại – dịch vụ 34,20%. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng theo hàng năm đạt 462 triệu USD vào năm 2016, thu nhập bình quân đầu người đạt 34 triệu đồng (1.600 USD), thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 2.550 tỷ đồng.

- Toàn tỉnh thu hút được 161 dự án đầu tư, gồm có 129 dự án đầu tư trong nước và 32 dự án đầu tư nước ngoài (FDI). Có 112 dự án đi vào sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết việc làm cho trên 40.000 lao động. Riêng 32 dự án FDI, có 22 dự án đang hoạt động, đóng góp 60% giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và giải quyết việc làm cho khoảng 35.000 lao động. Hệ thống doanh nghiệp có trên 1.800 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.



An aerial photograph of an industrial complex, possibly a refinery or chemical plant, situated along a body of water. The facility includes several large buildings, a tall chimney, and various pipes and structures. In the foreground, there are green landscaped areas with trees. In the background, several large ships are docked at a pier. A large orange rectangular box with a white border is centered over the image, containing the section title.

II. TẠI SAO ĐẦU TƯ VÀO TỈNH TRÀ VINH



01

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Trà Vinh nằm giữa 2 sông Cổ Chiên và sông Hậu và tiếp giáp Biển Đông, với 2 cửa sông Cung Hầu và Định An là 2 cửa sông quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long cùng với Kênh đào Trà Vinh cho tàu có trọng tải 20.000 tấn lưu thông nối liền Biển Đông với sông Hậu, đây là cửa ngõ chính của vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thông thương với quốc tế, là điều kiện để tỉnh hình thành và phát triển các cảng biển trung chuyển. Đường bộ có 3 Quốc lộ là 53, 54 và 60 nối với các tỉnh, cách thành phố Hồ Chí Minh 130 km và cách thành phố Cần Thơ 80 km. Với bờ biển dài 65 Km, khí hậu ôn hòa, quanh năm hầu như không có bão, lũ cùng với nhiều danh lam thắng cảnh là điều kiện để phát

triển các ngành kinh tế biển, ven biển và phát triển du lịch.



**02**

TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Trà Vinh có nhiều tiềm năng phát triển với cơ cấu kinh tế đa ngành nghề nhất là sản lượng lớn về nông nghiệp và thủy sản:

- Lúa 234.247 ha, sản lượng 1,12 triệu tấn/năm; cây dứa 20.000 ha, có trên 03 triệu cây với sản lượng 220.000 tấn; Cây mía 5.500 ha/năm, sản lượng trên 600.000 tấn; cây đậu phộng 4.500 ha/năm, sản lượng 22.800 tấn/năm; cây bắp 4.500 ha/năm, sản lượng 22.500 tấn/năm; cây ăn quả 17.600 ha, sản lượng 214.500 tấn/năm (xoài Châu Nghệ, bưởi năm roi, cam, quýt đường Nhị Long, nhãn, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt Tân Quy, thanh long...)

Chăn nuôi với đàn heo 410.500 con/năm, đàn bò 206.000 con/năm, đàn dê 11.500 con, đàn gia cầm 4.300.000 con.

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản: 43.700 ha/năm (diện tích nuôi tôm sú 18.900 ha), tổng sản lượng thủy sản đạt 171.400 tấn. Trong đó: khai thác hải sản 57.100 tấn, nuôi trồng thủy sản 103.000 tấn/năm (trong đó tôm sú 13.150 tấn, tôm thẻ chân trắng

23.800 tấn), cá da trơn: 10.200 tấn/năm, cua: 7.200 tấn/năm, nghêu, sò: 2.700 tấn/năm...

- Thêm lục địa từ cửa Cung Hầu đến cửa Định An hiện có 661 loài thủy sản sinh sống, đa phần đều có giá trị kinh tế. Ngoài khơi xa có nhiều loại hải sản có giá trị thương phẩm cao như cá ngừ, cá hồng, cá chim, cá thu,.... với trữ lượng khoảng 1,2 triệu tấn, khả năng khai thác khoảng 400 – 600 tấn/năm. Trà Vinh hiện có 1.200 tàu khai thác hải sản trên biển với tổng công suất 102.400CV, trong đó có 200 tàu hoạt động các ngư trường khơi xa.

* Với nguồn nguyên liệu dồi dào và sản lượng lớn về nông nghiệp, thủy sản trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Khi đầu tư vào Trà Vinh sẽ dễ dàng thu hút các nguồn nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến. Ngoài ra, với thuận lợi về vị trí địa lý và tiềm năng về thủy, hải sản sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nuôi tôm sinh thái, tôm hữu cơ và nuôi tôm nghệ cao.

2.2. TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Đa dạng, phong phú với khoảng 8.500 ha đất rừng và các loại khoáng sản như: Cát các loại với trữ lượng khai thác khoảng 870.000 m³/năm; đất sét, gạch ngói: trữ lượng khoảng 45,6 triệu m³; mỏ nước khoáng có chứa thành phần bicacbonat natri (NaCO₃) khá cao, đạt tiêu chuẩn khoáng cấp quốc gia, với nhiệt độ 38,5°C, khả năng khai thác khoảng 2.400 m³/ngày. Với trữ lượng này phục vụ tốt cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng và du lịch nghỉ dưỡng.



2.3 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÓ 3 KHU CÔNG NGHIỆP

Trên địa bàn tỉnh có 03 Khu công nghiệp và 01 Khu kinh tế: KCN Long Đức (100 ha) có 28 dự án đang hoạt động với tổng vốn đăng ký 2.636,90 tỷ đồng (tương đương 131,84 triệu USD). KCN Cổ Chiên (200 ha) và KCN Cầu Quan (130 ha) đang kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật và đầu tư sản xuất kinh doanh. Khu kinh tế Định An (39.020 ha) có các khu chức năng: Khu phi thuế quan, các khu công nghiệp, kho ngoại quan, khu cảng



và dịch vụ cảng, khu dịch vụ công nghiệp, khu dịch vụ giải trí, du lịch,...; Quy hoạch với các ngành nghề chủ yếu như sản xuất điện năng, luyện thép, hóa dầu, công nghiệp đóng tàu biển cùng với các ngành công nghiệp hỗ trợ khác; phát triển khu du lịch; kinh tế cảng, khu phi thuế quan gắn với cảng và khu dân cư đô thị. Hiện nay, Khu kinh tế có 22 dự án, tổng vốn đăng ký 148.422,51 tỷ đồng (tương đương 7.421,12 triệu USD) và 09 dự án có nhà đầu tư quan tâm. Tính đến nay, tổng số dự án trong KKT, KCN được cấp GCNĐT là 50 dự án, với tổng vốn đăng ký là 151.059,41 tỷ đồng (tương đương 7.552,97 triệu USD).

Chính sách đầu tư: lãnh đạo tỉnh cam kết có chính sách tốt nhất cho nhà đầu tư như: ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư về thuế, đất đai, GPMB, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đào tạo lao động, xử lý môi trường, hỗ trợ đầu tư đường giao thông dẫn đến chân hàng rào dự án, các công trình điện, nước,... Chính sách đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch, giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”, rút ngắn 50% thời gian thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2.4 TOÀN TỈNH ĐƯỢC QUY HOẠCH 06 BẾN CẢNG (01 CẢNG SÔNG VÀ 05 CẢNG BIỂN)

trong đó 03 cảng đang hoạt động (cảng sông Long Đức với diện tích 40.000 m²; 02 cảng biển Trung tâm Điện lực Duyên Hải cho tàu tải trọng 30.000 tấn than và cho tàu tải trọng 1.000 tấn dầu, với công suất bốc dỡ 12 triệu tấn than/năm và 100.000 tấn dầu/năm) và các cảng hiện đang thi công hạ tầng (cảng Trà Cú, Bến cảng Định An), riêng bến cảng Định An là cảng tổng hợp



container 30.000 – 50.000 tấn vừa làm nhiệm vụ trung chuyển hàng hóa cho cảng Cái Cui (Cần Thơ) vừa làm nhiệm vụ xuất nhập khẩu trực tiếp.

2.5 NGUỒN LAO ĐỘNG DỒI DÀO

ngoài bậc phổ thông, tỉnh có 01 trường đại học, 02 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp và 20 cơ sở đào tạo, dạy nghề. Trường Đại học Trà Vinh đào tạo theo hình đa cấp, đa ngành, với số lượng sinh viên hàng năm hơn 25.000, hàng năm tốt nghiệp từ 8.000 – 10.000 sinh viên cung cấp cho thị trường lao động.





03 | CAM KẾT CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH

Với tiềm năng hiện có của tỉnh, sẽ đảm bảo đủ điều kiện để kêu gọi nhà đầu tư phát triển vùng nuôi tôm công nghệ cao, sinh thái; phát triển các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch,... Lãnh đạo tỉnh Trà Vinh chúng tôi cam kết thực hiện nhiều chính sách và điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư:



- Về ưu đãi đầu tư: Tỉnh cam kết thực hiện tốt chính sách ưu đãi về đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam với chính sách ưu đãi và môi trường đầu tư thông thoáng nhất, nhằm tạo cho các nhà đầu tư hoạt động có hiệu quả.

- Về cải cách thủ tục hành chính: Trà Vinh đã và đang thực hiện cải cách hành chính trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giải quyết các thủ tục đầu tư theo cơ chế công khai, minh bạch, “Một cửa liên thông”, đảm bảo



nhanh chóng, đáp ứng tốt nhu cầu của các nhà đầu tư, dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp nhận và trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, dự án đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp nhận và trả kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế.



- Đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng để đáp ứng nhu cầu triển khai dự án của nhà đầu tư.



- Về hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, cấp thoát nước...) đồng bộ, hoàn chỉnh, thuận tiện cho việc sản xuất kinh doanh, vận chuyển, giao dịch hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh như: Hệ thống thông tin liên lạc, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khách sạn, nhà hàng, văn phòng cho thuê, các dịch vụ vui chơi, giải trí khác...

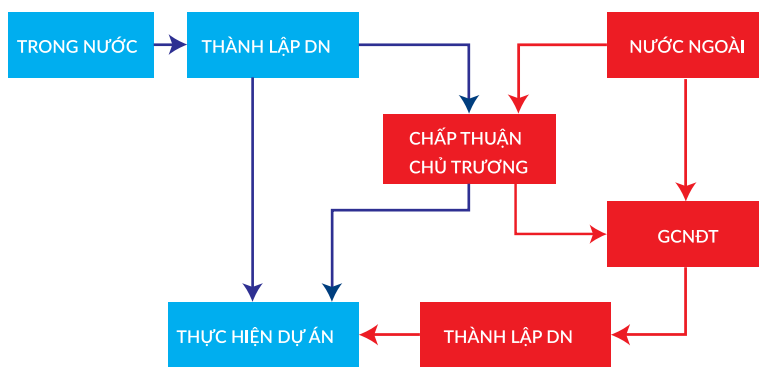


PHẦN II: QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ

I

QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐẦU TƯ CHUNG

QUI TRÌNH CHUNG VỀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ KINH DOANH



BƯỚC 1: CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ	TRƯỜNG HỢP (LOẠI DỰ ÁN)	THỦ TỤC VÀ YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ	THỜI HẠN (TỐI ĐA)
<p>UBND các tỉnh (Điều 32- Luật Đầu tư 2014)</p>	<p>a. Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng);</p> <p>b. Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).</p> <p>c. Các dự án thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (BQL quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy CNĐKĐT).</p> <p>d. Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Khoản 9 Điều 31 - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP)</p>	<p>a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư</p> <p>b) Giấy tờ tùy thân hợp pháp (với nhà đầu tư là cá nhân) hoặc giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý với NĐT là tổ chức</p> <p>c) Đề xuất dự án đầu tư</p> <p>d) Bản sao một trong các tài liệu sau : báo cáo tài chính, cam kết hỗ trợ vốn...</p> <p>đ) Tài liệu xác nhận quyền sử dụng địa điểm (đề xuất nhu cầu sử dụng đất, thỏa thuận địa điểm)</p> <p>e) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này (với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao)</p> <p>g) Hợp đồng BCC (với dự án đầu tư theo hình thức BCC) (Điều 33- Luật Đầu tư 2014)</p>	<p>35 ngày (Đối với nhà đầu tư trong nước)</p> <p>40 ngày (Đối với nhà đầu tư nước ngoài)</p>

<p>Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau: a) Di dân từ 10.000 người ở miền núi, 20.000 người ở khu vực khác; b) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không; c) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia; d) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; đ) Hoạt động kinh doanh các cược, đặt cược, casino; e) Sản xuất thuốc lá điếu; g) Phát triển kết cấu hạ tầng KCN, KCX, KKT; h) Xây dựng và kinh doanh sân gôn; 2. Dự án không thuộc trường hợp tại mục 1 như trên có quy mô từ 5000 tỷ đồng trở lên, ngoại trừ những dự án phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Khoản 9 Điều 31 - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP); 3. Dự án nước ngoài: vận tải biển, dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học, công nghệ, doanh nghiệp KHCN 100% vốn NN.</p>	<p>Bao gồm hồ sơ (xin chấp thuận chủ trương đầu tư) của UBND cấp tỉnh và bổ sung thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) • Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường • Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư 	<p>65 ngày</p>
--------------------------------	--	--	----------------

<p>Quốc hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà máy điện hạt nhân • Có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng nghiên cứu - thực nghiệm từ 50ha, rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50ha, rừng chắn gió, chắn cát, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500ha, rừng sản xuất từ 1000ha • Sử dụng đất lúa từ 500 ha trở lên • Di dân từ 20.000 người trở lên ở miền núi, 50.000 người trở lên ở các vùng khác; • Dự án đề nghị cơ chế, chính sách đặc biệt. 	<p>Bao gồm hồ sơ (xin chấp thuận chủ trương đầu tư) của Thủ tướng Chính phủ và bổ sung thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có) 	<p>Theo kỳ họp Quốc hội</p>
-----------------	---	--	-----------------------------

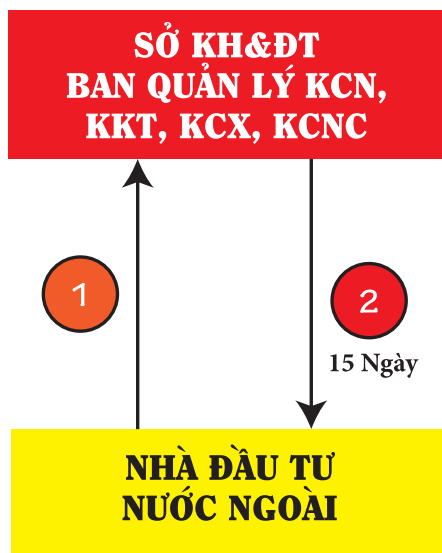


BƯỚC 2: XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

TRƯỜNG HỢP THỰC HIỆN THỦ TỤC XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ	HỒ SƠ THỦ TỤC CẦN THIẾT VỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ
<p>Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
<p>Dự án của tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1 - Điều 23 - Luật Đầu tư (2014) thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; • Có tổ chức kinh tế (là DN nước ngoài) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; • Có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế là DN nước ngoài nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy tờ tùy thân hoặc văn bản thành lập • Đề xuất dự án đầu tư • Hồ sơ tài chính (báo cáo tài chính, cam kết hỗ trợ vốn) • Tài liệu xác nhận quyền sử dụng địa điểm (đề xuất nhu cầu sử dụng đất, thỏa thuận địa điểm) • Giải trình về sử dụng công nghệ (với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao) • Hợp đồng BCC (với dự án đầu tư theo hình thức BCC)
<p>Trường hợp không cần xin cấp giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư</p> <p>Tất cả các nhà đầu tư, ngoại trừ các nhà đầu tư nước ngoài, loại dự án thuộc các trường hợp như đã nêu trên.</p>	

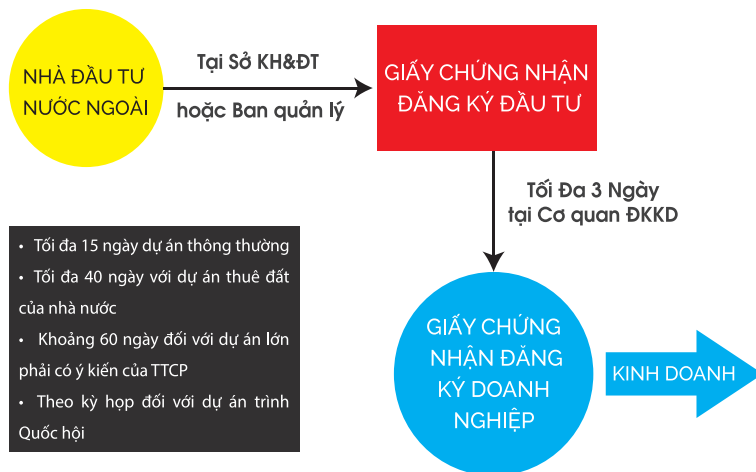


QUI TRÌNH THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ



BƯỚC 3: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Các nhà đầu tư truy cập vào Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>) để xem hướng dẫn cụ thể để triển khai các hồ sơ, thủ tục về đăng ký thành lập doanh nghiệp.





II. QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐẦU TƯ CỦA TỈNH TRÀ VINH



1. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư như sau:

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Hồ sơ dự án đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo mẫu I.1 tại Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với Nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với Nhà đầu tư là tổ chức.

c) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, đề xuất nhu cầu sử dụng đất, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá tác động môi trường, giải trình về sử dụng công nghệ theo mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của Nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của Nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

đ) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (nếu có).

3. Số lượng hồ sơ: 04 bộ hồ sơ.

4. Quy trình và thời gian giải quyết: Trong thời gian 17 ngày làm việc (thời hạn xử lý của từng bước đã bao gồm thời gian luân chuyển hồ sơ).

a) Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

- Nhà đầu tư đến Bộ phận một cửa liên thông tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để nhận mẫu hồ sơ và được hướng dẫn cách kê khai thủ tục đầu tư hoặc truy cập website: www.travinh.gov.vn; www.travinh.gov.vn/wps/portal/skhdt để lấy mẫu kê khai thủ tục đầu tư.

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa liên thông hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Công chức Bộ phận một cửa liên thông tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án do Nhà đầu tư nộp: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để Nhà đầu tư bổ sung đầy đủ; Trường hợp hồ sơ hợp lệ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo quy định.

- Khi nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có công văn gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan.

b) Bước 2: Tổ chức lấy ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có liên quan

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương và gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư; các nội dung thẩm định cụ thể như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thẩm định các nội dung đề xuất của Nhà đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư.

- Sở Xây dựng: Thẩm định về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch xây dựng, sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng, các yêu cầu đối với chủ đầu tư trong quá trình lập quy hoạch, lập dự án đầu tư, các yêu cầu về kết nối hạ tầng theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; việc chấp hành pháp luật đất đai và môi trường của Nhà đầu tư.

- Sở Tài chính: Có ý kiến về việc xác định đơn giá thuê mặt nước, mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho dự án theo quy định và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đối với dự án quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13;

- Cục Thuế tỉnh: Có ý kiến về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc điều kiện ưu đãi đầu tư);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có dự án dự kiến đầu tư: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất.

- Các Sở, ngành thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành thẩm định các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Bước 3: Lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tất cả ý kiến thẩm định của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

d) Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Bước 5: Trả kết quả cho Nhà đầu tư

Khi có kết quả về chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo kết quả cho Nhà đầu tư: Quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản từ chối đầu tư.

2. THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Nhà đầu tư (theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13).



III ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

1. HÌNH THỨC ÁP DỤNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Hình thức áp dụng ưu đãi đầu tư:

- (i) Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - (ii) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư.
 - (iii) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.
- Mọi chi tiết cụ thể căn cứ theo luật quy định

2. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

2.1. Các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư nếu dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư sau

1. Hoạt động công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; hoạt động nghiên cứu và phát triển;
2. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ 30% trở lên, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
3. Sản xuất sản phẩm điện tử, sản phẩm cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp, ô tô, phụ tùng ô tô; đóng tàu;
4. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may, da giày và các sản phẩm quy định tại điểm c khoản này;
5. Sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, phần mềm, nội dung số;
6. Nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ

rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học;

7. Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải;
8. Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị;
9. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp;
10. Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc chủ yếu, thuốc thiết yếu, thuốc phòng, chống bệnh xã hội, vắc xin, sinh phẩm y tế, thuốc từ dược liệu, thuốc đông y; nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới;
11. Đầu tư cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc chuyên nghiệp; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
12. Đầu tư trung tâm lão khoa, tâm thần, điều trị bệnh nhân nhiễm chất độc màu da cam; trung tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em lang thang không nơi nương tựa;
13. Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

2.2. Các dự án đầu tư được áp dụng ưu đãi đầu tư nếu dự án đầu tư tại các địa bàn sau:

1. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
2. Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

2.3. Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

2.4. Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên;

2.5. Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ.

An aerial photograph of a city park. In the foreground, a large green sculpture of the letters 'TRAVINH' is visible. A road with many motorcycles curves through the park. In the background, there are buildings and more greenery.

PHẦN III: CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO TỈNH TRÀ VINH

I

LĨNH VỰC VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ

1. LĨNH VỰC ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GỒM 4 LĨNH VỰC CHÍNH

- Nông nghiệp (nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái)

- Công nghiệp (Công nghiệp cơ khí, logistic, năng lượng, đóng tàu biển).

- Hạ tầng kỹ thuật (Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng giao thông).

- Dịch vụ (Khu du lịch, nhà hàng, khách sạn, Trung tâm thương mại).



2. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ

STT	TÊN DỰ ÁN
I	NÔNG NGHIỆP
1	Dự án đầu tư nuôi tôm nước lợ công nghệ cao
2	Dự án hợp tác liên kết nuôi tôm sinh thái (tôm - rừng, tôm - lúa) xuất khẩu
3	Dự án hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm từ dừa
4	Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi và chế biến các sản phẩm từ bò ở các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung
II	CÔNG NGHIỆP
1	Dự án xây dựng nhà máy đóng, sửa chữa tàu thuyền và sản xuất gia công cơ khí

2	Dự án xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến trái cây các loại (thanh long, cam, xoài, nhãn, chuối, bưởi...)
3	Xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ đậu phộng
III	ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
Hạ tầng giao thông	
1	Dự án xây dựng tuyến số 2 và số 3 đường nội ô thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
2	Dự án hạ tầng giao thông trong KKT Định An
Hạ tầng khu, cụm công nghiệp	
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cổ Chiên
3	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp
4	Dự án hạ tầng kỹ thuật trong KKT Định An (khu kho ngoại quan (logistic) và khu phi thuế quan)
5	Xây dựng cảng và dịch vụ cảng Long Toàn
6	Dự án xây dựng cụm công nghiệp thành phố Trà Vinh
IV	DU LỊCH
1	Dự án xây dựng Khu văn hóa - du lịch Ao Bà Om
2	Dự án đầu tư Khu du lịch khoáng nóng Duyên Hải

** Ngoài các dự án nêu trên, tỉnh Trà Vinh sẵn sàng tiếp nhận và xem xét các dự án khác mà nhà đầu tư đề xuất.*

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.

1.2. Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư (Đính kèm Phụ lục I Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015)

1.3. Ngành, nghề lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:



- Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.

- Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.

- Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại vùng nông thôn.

2. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

2.1. Ưu đãi về thuế: Theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 (áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới)

a. Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp:

THỜI HẠN ƯU ĐÃI (NĂM)	MỨC THUẾ SUẤT	PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG
Suốt thời gian hoạt động (không quá 50 năm)	10%	- Dự án đầu tư lĩnh vực xã hội hóa. - Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng nông, lâm, thủy sản ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch,...
15	10%	- Dự án đầu tư tại địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An. - Lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, ... Sản xuất sản phẩm phần mềm,...
10	17%	- Thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn các huyện: Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, Thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên. - Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống,...
Hết thời hạn ưu đãi	20%	

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

MIỄN THUẾ (NĂM)	GIẢM		PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG
	MỨC GIẢM	THỜI HẠN	
04	50%	09	- Dự án đầu tư tại địa bàn các huyện: Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An. - Dự án lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An, Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.
04	50%	05	Dự án lĩnh vực xã hội hoá đầu tư tại huyện, thị xã Duyên Hải (ngoài Khu kinh tế Định An), Càng Long (ngoài KCN Cổ Chiên).
02	50%	04	- Dự án đầu tư tại huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên. - Dự án đầu tư lĩnh vực sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống....

c. Ưu đãi thuế xuất nhập khẩu:

Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án; nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất (theo quy định tại khoản 6, khoản 14 Điều 12 Nghị định 87/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu).

d. Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân:

Giảm 50 % thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế (Khoản 5, Điều 16 Nghị định 29/2008/NĐ-CP).

2.2. ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT (Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)

a. Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

b. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian xây dựng cơ bản

TIỀN THUÊ ĐẤT	PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG
Miễn (suốt thời gian hoạt động)	<ul style="list-style-type: none">- Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại nông thôn.- Dự án lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư.- Dự án lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.- Dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp.- Đất thực hiện dự án trồng rừng phòng hộ, trồng rừng lấn biển.
Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 50 năm)	Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An.
Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 40 năm)	Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh, KCN Cổ Chiên.

Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 30 năm)	Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện Càng Long (ngoài KCN Cổ Chiên), huyện, thị xã Duyên Hải (ngoài Khu kinh tế Định An).
Miễn 15 năm	- Dự án lĩnh vực nông nghiệp ưu đãi đầu tư. - Dự án lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An. - Dự án lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh và KCN Cổ Chiên.
Miễn 11 năm	- Dự án lĩnh vực nông nghiệp khuyến khích đầu tư. - Dự án đầu tư tại huyện Châu Thành, Trà Cú, KKT Định An; dự án lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh và KCN Cổ Chiên.
Miễn 07 năm	Dự án đầu tư tại Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh và KCN Cổ Chiên.
Miễn 03 năm	- Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư. - Cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường



3. HỖ TRỢ ĐẦU TƯ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2016/NQ-HĐND NGÀY 08/12/2016

3.1 Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp và hỗ trợ 20% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong cụm công nghiệp, mức hỗ trợ tối đa không vượt so với mức hỗ trợ của Trung ương.

3.2 Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật (Khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Đối với nhà đầu tư, đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông, cấp điện, cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hỗ trợ 100% chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án và hỗ trợ sau khi hoàn thành đi vào hoạt động.

Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn theo quy hoạch, sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng được hỗ trợ như sau:

- Vốn đầu tư trên 2 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng được hỗ trợ 200 triệu đồng.
- Vốn đầu tư trên 4 tỷ đồng đến 7 tỷ đồng được hỗ trợ 300 triệu đồng.
- Vốn đầu tư trên 7 tỷ đồng được hỗ trợ 400 triệu đồng.

Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí để tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông nêu tại Khoản 1 và xây dựng đường giao thông, cấp điện, cấp nước, Điều này được ngân sách tỉnh hoàn trả trong 03 năm (ba năm) sau khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng theo hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại trong nước. Trường hợp ứng trước kinh phí bằng vốn của doanh nghiệp hoặc vay vốn của ngân hàng nước ngoài thì lãi suất hỗ trợ tính theo lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Trà Vinh trong thời hạn nêu trên.

3.3 Hỗ trợ đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp có trong quy hoạch được duyệt nhưng chưa được đầu tư hạ tầng (Điều 10 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư đường giao thông dẫn đến chân hàng rào dự án. Các công trình cấp điện, cấp nước,... các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư.

Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: Đối với trường hợp nhà đầu tư tự san lấp mặt bằng sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá theo các mức sau:

- Dự án có tổng vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng: Hỗ trợ 100 triệu đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng: Hỗ trợ 300 triệu đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: Hỗ trợ 500 triệu đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: Hỗ trợ 01 tỷ đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ đồng: Hỗ trợ 02 tỷ đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng: Hỗ trợ 03 tỷ đồng;
- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên: Hỗ trợ 04 tỷ đồng.

3.4 Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý môi trường (Điều 11 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo sửa chữa hệ thống xử lý môi trường đối với những dự án chế biến nông sản, thủy hải sản, thức ăn chăn nuôi và chợ thì được hỗ trợ 01 lần:

1. Đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp: Hỗ trợ 30% chi phí nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.
2. Đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp và công trình xử lý môi trường tại chợ: Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng.

3.5 Hỗ trợ đầu tư chế biến, bảo quản nông sản, thủy hải sản (Điều 13 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).

1. Hỗ trợ máy móc, thiết bị công nghệ:

Nhà đầu tư được hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng cho các khoản đầu tư:

a) Đầu tư mới máy móc thiết bị công nghệ, kho lạnh cố định, kho lạnh di động để chế biến, bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả.

b) Đầu tư mở rộng, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ mới để chế biến thủy hải sản.

2. Hỗ trợ lãi suất vốn vay:

a) Hỗ trợ 40% lãi suất cho các khoản vay trong 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng cho nhà đầu tư nêu tại điểm a khoản 1 điều này.

b) Hỗ trợ 20% lãi suất cho các khoản vay trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng cho nhà đầu tư mua sắm phương tiện vận tải để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chế biến, bảo quản nông sản, thủy hải sản.

Mức hỗ trợ lãi suất được áp dụng bằng mức thấp nhất cho các khoản vay đầu tư cùng thời hạn và cùng thời kỳ của các Ngân hàng thương mại Việt Nam.


3.6. Hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động

TT	HÌNH THỨC HỖ TRỢ	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	MỨC HỖ TRỢ (ĐỒNG/NGƯỜI)
I	Đối với dự án sử dụng thường xuyên từ 500 đến dưới 5.000 lao động mức hỗ trợ từ 150 - 300 triệu đồng/dự án		
1	Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	1.000.000
		Dưới 03 tháng	500.000
2	Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 150.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	500.000
		Dưới 03 tháng	250.000

II	Đối với dự án sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động mức hỗ trợ từ 250 - 500 triệu đồng/dự án		
1	Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 500.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	1.000.000
		Dưới 03 tháng	500.000
2	Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 250.000.000 đồng/dự án	03 tháng trở lên	500.000

3.7. Các hỗ trợ khác: Hỗ trợ tư vấn cho tạo lập, đăng ký và bảo hộ tài sản trí tuệ; hỗ trợ áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp; hỗ trợ áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng; Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường; Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp (theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).





**PHỤ LỤC:
CÁC CƠ QUAN ĐẦU MỐI
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ 6B Hoàng Diệu, Hà Nội, Việt Nam Phone: (84) - 4 - 38455298 Fax: (84) - 4 - 38234453 Website: www.mpi.gov.vn		CỤC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 6B Hoàng Diệu, Hà Nội, Việt Nam Phone: (080) - 48461/ (84) - 4 - 37343758 Fax: (84) - 4 - 37343769 Website: http://fia.mpi.gov.vn	
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ PHÍA BẮC 65 Văn Miếu, Hà Nội, Việt Nam Phone: (84) - 4 - 38454970 / 37473143 Fax: (84) - 4 - 38437927 Website: http://ipcn.mpi.gov.vn	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ MIỀN TRUNG 103 Lê Sát, Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam Phone: (84) - 236 - 3797669/-/699 Fax: (84) - 511 - 3797679 Website: http://centralinvest.gov.vn	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ PHÍA NAM 289 Điện Biên Phủ, Q.3, TP HCM, Việt Nam Phone: (84) - 8 - 39306671 Fax: (84) - 8 - 39305413 Website: http://www.ipcs.vn	

ĐẠI DIỆN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI

CHLB ĐỨC Ông Đặng Quốc Tuấn Tham tán, phụ trách xúc tiến đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại CHLB Đức	The Embassy of Vietnam, Elsenstrasse 3 - 12435 Berlin Tel:+49 30 9751076; Fax: +49 30 21238489 Email: qtuan629@gmail.com
CỘNG HÒA PHÁP Ông Lê Công Thanh Tham tán, phụ trách đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Pháp	The Embassy of Vietnam , 61 rue Miromesnil, Paris 75007 Tel: +33-954874337 Email: thanhmpi1971@gmail.com, lecong.thanhmpi@gmail.com
HÀN QUỐC Bà Đinh Thị Tâm Hiền Tham tán, phụ trách xúc tiến đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Hàn Quốc	The Embassy of Vietnam in Korea,128 Cukchon-ro, Jongno-gu,110-230, SEOUL, KOREA Email: hiendt@mpi.gov.vn ; tamhien- mpi@gmail.com Tel/Fax:+82.2.737.2317Mo- bile:+82-1095780924

<p>CHDCND LÀO Ông Nguyễn Đình Bá Tham tán Công sứ, ĐSQ Việt Nam tại CH-DCND Lào</p>	<p>The Embassy of Vietnam , No 85 23 Singha Road, Ban Phonxay, Saysettha District Vientiane, Laos Tel:+856 - 2099693939; Fax: +856 21 413379 Email: nguyendinhba39@gmail.com</p>
<p>NHẬT BẢN Ông Nguyễn Xuân Tiến Tham tán, Trưởng Bộ phận XTĐT tại Nhật Bản, ĐSQ Việt Nam tại Nhật Bản</p> <p>Phụ trách xúc tiến đầu tư, TLSQ Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam, 25-7-S205, Hatsudai 2-Chome, Shibuya-ku ,Tokyo, 151-0061 Tel: (813) - 6300-9788; Fax: (813) - 6300- 9358 Email: xtienmpi@yahoo.com</p> <p>Consulate General of the S.R of Vietnam, 4-2-15 Inchinocho Higashi, Sakai-ku, Sakai shi, Osaka, Japan Tel: +81-72 221 6666 Fax: +81-72 221 6667</p>

<p>HOA KỲ Ông Trần Hồng Kỳ Tham tán kinh tế, phụ trách đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Hoa Kỳ</p> <p>Ông Hoàng Việt Khang Lãnh sự, phụ trách xúc tiến đầu tư, TLSQ Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam in the USA 1233 20th Street NW, Suite # 400 Washington DC, 20036, USA. Tel: +1 202-861-0737 ext. 231 ; Fax: 202-861-0917 Mobile: +1 202-403-7139 Email: tranhongky@vietel.vn; kytran@vietnamembassy.us</p> <p>Consulate General of Vietnam in San Francisco, 1700 California Str, Suite 580, San Francisco, CA 94109, USA Phone:+1-415-960-7548 Fax :+1-(415)-922-1848 Email: khangvgms@gmail.com; khanghv@mpi.gov.vn</p>
<p>SINGAPORE Bà Nguyễn Thị Thu Minh Tham tán, phụ trách đầu tư, ĐSQ Việt Nam tại Singapore</p>	<p>Embassy of the S.R. of Vietnam in Singapore 10 Leedon Park, Singapore 267887 Tel/Fax: +65 66967709 ; Mobile: +65 86134686 Email: mpi_minh@yahoo.com.vn; nt-thuminh@mpi.gov.vn</p>

CƠ QUAN ĐẦU MÓI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

<p>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH</p>
<p>19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Điện thoại: +84 74 3753849; Fax: +84 74 3753848; Email: xuctientravinh@gmail.com.</p>
<p>BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TRÀ VINH</p>
<p>278 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh Điện thoại: +84 74 3746681; Fax: +84 74 3746686; Email: bqlkkttravinh@gmail.com</p>